TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày 30-5-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Duy Hiền và ông Trần Viết Trà.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018, về việc:*"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1978 và ông C, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đều có mặt.

2. Bị đơn: Bà D; địa chỉ: Đường N, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018, bản tự khai đề ngày 18/12/2018, nguyên đơn bà B và ông C trình bày:

Vợ chồng ông C - bà B với bà D có quan hệ quen biết nhau. Ngày 24/01/2017, ông C và bà B có cho bà D vay số tiền 1.407.000.000 đồng; thời hạn trả nợ trước ngày 17 tháng 01 năm 2017 âm lịch (tức là ngày 13 tháng 02 năm 2017 dương lịch). Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ ông C và bà B đã nhiều lần yêu cầu bà D phải trả số tiền 1.407.000.000 đồng, nhưng bà D không trả. Vì vậy, ông C và bà B làm

đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D phải trả nợ cho ông C và bà B số tiền 1.407.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất chậm trả.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cho bị đơn là bà D, nhưng bà D không đến Tòa án để tham gia tố tụng để trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn là bà B và ông C đều trình bày: Do chỗ quen biết bà D, nên vào khoảng thời gian trong năm 2016, vợ chồng ông C đã nhiều cho bà D vay tiền để buôn bán đá quý, tổng cộng là 1.507.000.000 đồng. Sau đó, bà D trả cho vợ chồng ông C được 100.000.000 đồng, còn nợ 1.407.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông C đã nhiều lần gặp và yêu cầu bà D trả nợ tiền, nhưng bà D không trả. Ngày 24 tháng 01 năm 2017, bà D đã viết "Giấy mượn tiền". Theo đó, bà D đã mượn của vợ chồng ông C số tiền 1.407.000.000 đồng và hẹn trả hết nợ trước ngày 13/02/2017. Nhưng khi đến hạn trả nợ tiền thì bà D không chịu trả mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu Tòa án buộc bà D phải trả cho vợ chồng ông C số tiền nợ gốc là 1.407.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất chậm trả.

-Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Bị đơn là bà D đang thường trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc Tòa án thu thập chứng cứ, cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B và ông C, buộc bị đơn là bà D phải trả lại cho bà B và ông C số tiền 1.407.000.000đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà D không đến Tòa án

để tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là bà D.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tiền. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 tờ "Giấy mượn tiền", nhưng bản chất của sự việc là quan hệ vay tài sản, thể hiện sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay đã giao tài sản là tiền cho bên vay để thực hiện các quyền định đoạt về tài sản này. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

[3] Bị đơn bà D hiện nay có địa chỉ thường trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo lãnh thổ và cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chứng cứ gốc do nguyên đơn cung cấp là 01 tờ "Giấy mượn tiền", do bà D viết và ký ngày 24 tháng 01 năm 2017. Theo đó, bà D đã mượn của vợ chồng ông C – bà B số tiền 1.407.000.000 đồng, hẹn trả trước ngày 17 tháng 01 năm 2017 âm lịch (nhằm ngày 13 tháng 02 năm 2017 dương lịch). Tuy nhiên, đến này bà D chưa trả số tiền nêu trên cho bà B và ông C.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho bị đơn là bà D, nhưng bà D không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã xác minh tại tổ dân phố nơi bà D sinh sống là, phường Đ, thành phố P vào ngày 26 tháng 12 năm 2018, cho thấy: *Bà D là công dân sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố P, bà D thường xuyên vắng mặt ở nhà, thỉnh thoảng có về nhà nên Tòa án không tống đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho bà D được và cha, mẹ đẻ của bà D từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án*. Như vậy, việc Tòa án niên yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án như đã nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật, và bà D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ tiền cho vợ chồng ông C – bà B.

[6] Bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án nên không có lời khai, không cung cấp chứng cứ, tài liệu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [4] đến [6] nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định bà D còn nợ bà B và ông C số tiền 1.407.000.000 đồng đến nay chưa trả và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại các Điều: 278, 280, 466 của Bộ

luật Dân sự, cho nên yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C là có cơ sở và được Tòa án chấp nhận.

[7] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải tiền trả lãi suất chậm trả nên không xem xét.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

-Áp dụng vào các Điều: 275; 278, 280, 463, 466, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C.

1. Buộc bà D phải thanh toán cho bà B và ông C số tiền: 1.407.000.000 (bằng chữ: Một tỷ bốn trăm lẻ bảy triệu) đồng.

2. Lãi chậm trả: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà D phải nộp số tiền: 54.210.000 (bằng chữ: Năm mươi bốn triệu hai trăm mười nghìn) đồng sung quỹ nhà nước.

Bà B và ông C không phải chịu án phí; trả lại cho bà B và ông C số tiền: 27.105.000 (bằng chữ: Hai mươi bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo lai thu số 0004374 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Người có quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Bà B và ông C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/5/2019). Bà D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản này được niêm yết hợp lệ.

5. Về yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7*

và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố P;
-Chi cục THADS TP.P;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng